

Số: 26/2025/QĐST-HNGĐ

Hải Hậu, ngày 24 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Ngô Thị Hòe - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Huê - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 334/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và xác định cha cho con” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025, giữa:

- *Người yêu cầu:* Chị Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1998. Địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đỗ Mạnh K, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện P, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Công Q, sinh năm 1997. Địa chỉ: Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

**** Theo đơn yêu cầu và quá trình tố tụng tại Tòa án, người yêu cầu giải quyết việc dân sự chị Phạm Thị Ngọc L trình bày:***

Đầu năm 2015, anh Đỗ Mạnh K về xã H, huyện H, tỉnh Nam Định làm nghề mộc; anh K xin làm công cho bố mẹ đẻ chị L. Sau thời gian qua lại tìm hiểu, anh K, chị L có quan hệ tình cảm với nhau. Tháng 10 năm 2015, anh K, chị L đến UBND xã H làm thủ tục đăng ký kết hôn, anh K, chị L có nộp các loại giấy tờ theo hướng dẫn và yêu cầu của UBND xã H. Chị L không nhớ cụ thể có được cấp giấy tờ gì hay

không nhưng nghĩ rằng đã được đăng ký kết hôn. Chị L và gia đình đều không giữ Giấy chứng nhận kết hôn hoặc trích lục kết hôn. Sau khi đến xã xin làm thủ tục, chị L và anh K được đôi bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới, chị L và anh K thuê nhà chung sống cùng nhau gần nhà bố mẹ đẻ chị L tại xóm C xã H.

Ngày 19/6/2016, chị L sinh con với anh K, đặt tên Đỗ Thiên K1. Từ khi sinh con, anh K, chị L vẫn làm ăn, chung sống tại xóm C xã H. Anh K, chị L chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không hợp. Anh K yêu cầu chị L cùng con về quê anh K để ở nhưng chị L không nhất trí nên vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Anh K đưa con về ở cùng bố mẹ đẻ tại thôn T, xã C, huyện P, thành phố Hà Nội. Chị L và anh K ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ đó đến nay.

Trong thời gian ly thân với anh K, chị L có quan hệ tình cảm với anh Nguyễn Công Q và sinh con chung với anh Q là cháu Phạm Ngọc Minh K2 sinh ngày 26/12/2020 nhưng mới chỉ làm giấy chứng sinh tại bệnh viện mà chưa được khai sinh. Cháu K2 đang do chị L nuôi dưỡng.

Nay chị L đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh Đỗ Văn K3; công nhận cháu Đỗ Thiên K1, sinh ngày 19/6/2016 là con chung giữa chị L và anh K3 đồng thời giao cháu K1 cho anh K3 nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Tòa án công nhận cháu Phạm Ngọc Minh K2, sinh ngày 26/12/2020 là con chung giữa chị Phạm Thị Ngọc L và anh Nguyễn Công Q. Do quá trình chung sống, chị L và anh K3 không có tài sản chung, không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

** Tại bản tự khai đề ngày 31-12-2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Đỗ Mạnh K có lời khai phù hợp với lời khai của chị L về thời gian tìm hiểu, về quá trình chung sống, về con chung, tài sản chung với chị L. Do chị L, anh K chưa được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên anh K nhất trí với yêu cầu của chị L, đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh K. Anh K nhận nuôi con chung cháu Đỗ Thiên K1, sinh ngày 19/6/2016, không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Trong thời gian ly thân, chị L có quan hệ tình cảm với anh Nguyễn Công Q. Ngày 26/12/2020, chị L sinh thêm 01 con tên Phạm Ngọc Minh K2. Anh K đã cùng chị L giám định AND, kết quả cháu K2 không phải con đẻ của anh K nên anh K không có ý kiến gì về yêu cầu xác định cha cho con của chị L và anh Q.*

** Tại bản tự khai đề ngày 31-12-2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Nguyễn Công Q có lời khai phù hợp với chị L về mối quan hệ tình cảm, về việc giữa anh Q và chị L có với nhau 01 con chung là cháu Phạm Ngọc Minh K2, sinh ngày 26/12/2020. Nay chị L làm đơn yêu cầu xác định cháu K2 là con, anh Q nhất trí và chọn Tòa án Hải Hậu giải quyết vụ việc này. Ngoài ra, anh Q không còn yêu cầu gì khác.*

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập chứng cứ, tài liệu xây dựng hồ sơ cũng như diễn biến phiên họp Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 10, 11 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điểm t khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149; khoản 2,3 Điều 367; Điều 361; Điều 371; Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 11, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 88; Điều 101 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của chị Phạm Thị Ngọc L, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Ngọc L và anh Đỗ Mạnh K. Giao cháu Đỗ Thiên K1, sinh ngày 19/6/2016 cho anh Đỗ Mạnh K nuôi dưỡng đến khi cháu K1 thành niên; chị L không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh K. Xác định anh Nguyễn Công Q là cha đẻ của cháu Phạm Ngọc Minh K2, sinh ngày 26/12/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị Ngọc L yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Đỗ Mạnh K và xác định anh Nguyễn Công Q là cha đẻ cháu Phạm Ngọc Minh K2, sinh ngày 26/12/2020. Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và yêu cầu xác định cha cho con của chị L thuộc yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 10 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu chị Phạm Thị Ngọc L cư trú tại xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; người liên quan đến yêu cầu anh Đỗ Mạnh K cư trú tại thôn T, xã C, huyện P, thành phố Hà Nội; anh Nguyễn Công Q cư trú tại khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình giải quyết vụ án, chị L, anh K, anh Q đều nhất trí với yêu cầu của chị L, chọn Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu là nơi giải quyết việc yêu cầu. Căn cứ khoản 10, 11 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; Điểm t khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết yêu cầu của chị L là phù hợp pháp luật.

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng để các đương sự tham gia phiên họp. Tuy nhiên, chị L, anh K, anh Q đều có ý kiến xin vắng mặt, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt chị L, anh Q, anh K theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng:

Quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh K đều thừa nhận: Chị L, anh K quen biết, có quan hệ tình cảm từ năm 2015. Cuối năm 2015, chị L có thai nên mặc dù chưa được UBND xã H đăng ký kết hôn nhưng chị L và anh K đã được gia đình

đôi bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi được gia đình công nhận vợ chồng, chị L, anh K thuê nhà sinh sống tại xóm C, xã H đến năm 2019 thì mâu thuẫn. Anh K đưa con về ở cùng bố mẹ đẻ; chị L, anh K chấm dứt sống chung cho đến nay.

Kết quả xác minh tại công an xã H thể hiện: Chị Phạm Thị Ngọc L, sinh ngày 19-11-1998, đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Từ khi sinh ra cho đến nay, chị L vẫn thuộc hộ khẩu của bố mẹ là ông Phạm Văn T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1976 (cùng địa chỉ xóm C, xã H); chị L chưa tách khẩu riêng, không chuyển khẩu đi nơi khác, không đăng ký tạm trú, tạm vắng ở nơi khác. Ngoài ra, hệ thống dữ liệu dân cư thể hiện chị L có chồng là anh Đỗ Mạnh K nhưng không thể hiện năm sinh và các thông tin nơi cư trú của anh K. Do chị L không kê khai nên hệ thống không hiển thị phần con đẻ, con nuôi của chị L. Thông tin về nhân thân của chị Phạm Thị Ngọc L không bị sửa chữa, đính chính, bổ sung từ khi lập dữ liệu quản lý dân cư trên toàn hệ thống cho đến nay.

Kết quả xác minh tại cơ sở xóm C, xã H thể hiện: Khoảng năm 2014, anh Đỗ Mạnh K về làm mộc thuê cho gia đình ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L1 (là bố mẹ đẻ chị Phạm Thị Ngọc L) tại xóm C xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Sau một thời gian làm thuê, anh K và chị L nảy sinh tình cảm, hai gia đình đã tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương cho anh K, chị L tại gia đình ông bà T, Lụa. Sau khi tổ chức lễ cưới, anh K và chị L thuê nhà sinh sống tại xóm C xã H. Anh K và chị L có 01 con chung với nhau nhưng đăng ký khai sinh tại nơi anh K đăng ký hộ khẩu (Hà Nội). Địa phương chỉ quản lý khẩu của chị L chưa tách khỏi hộ khẩu gia đình. Anh K ở nhưng không đăng ký chuyển khẩu, không đăng ký tạm trú. Anh K, chị L chung sống đến khoảng năm 2019 thì mâu thuẫn, anh K đưa con về quê sinh sống. Từ đó đến nay, anh K không về ở tại xóm C xã H nữa. Ngoài ra, cơ sở xóm 34 không nắm được thông tin gì khác.

Kết quả xác minh tại UBND xã H thể hiện: UBND xã H đã kiểm tra, rà soát sổ đăng ký kết hôn qua các thời kỳ hiện còn lưu trữ, không có tên anh Đỗ Mạnh K và chị Phạm Thị Ngọc L. Như vậy, từ năm 2015 đến nay, UBND xã H chưa tổ chức đăng ký kết hôn cho anh K, chị L nên không có tài liệu để cung cấp cho Tòa án.

Như vậy, việc anh Đỗ Mạnh K và chị Phạm Thị Ngọc L có quan hệ tình cảm, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 đến năm 2019 và có với nhau 01 con chung nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật là sự việc có thật. Nay chị L, anh K xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng và giải quyết về con chung. Xét yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của chị L phù hợp với các Điều 9; Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-T ANDTC- VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần

được chấp nhận. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đỗ Mạnh K và chị Phạm Thị Ngọc L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống như vợ chồng, anh Đỗ Mạnh K và chị Phạm Thị Ngọc L có 01 con chung là cháu Đỗ Thiên K1, sinh ngày 19/6/2016 hiện đang ở cùng anh K. Anh K nhận nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng; chị L nhất trí yêu cầu về nuôi con chung của anh K. Tại đơn trình bày, cháu Đỗ Thiên K1 có nguyện vọng ở với anh Đỗ Mạnh K. Xét yêu cầu của anh K, chị L trong việc nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung cháu Đỗ Thiên K1. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị L, anh K, giao cháu Đỗ Thiên K1, sinh ngày 19/6/2016 cho anh Đỗ Mạnh K nuôi dưỡng đến khi cháu K1 thành niên, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh K.

Về tài sản: Quá trình chung sống, chị L, anh K không có tài sản chung, không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.2] Về yêu cầu xác định anh Nguyễn Công Q là cha đẻ cháu Phạm Ngọc Minh K2, sinh ngày 26/12/2020:

Chị Phạm Thị Ngọc L và anh Nguyễn Công Q đều thừa nhận có quan hệ tình cảm, sinh lý với nhau từ năm 2019. Ngày 26/12/2020, chị L sinh con lấy giấy chứng sinh tên Phạm Ngọc Minh K2 mà chưa làm thủ tục khai sinh. Quá trình giải quyết vụ án, Chị L, anh Q, anh K đều xác định cháu K2 là con chung giữa chị L và anh Q.

Tại bản kết luận giám định ADN số HID2304067 mã SID: 070423-100000128289 ngày 09 tháng 04 năm 2023, Phòng khám Đ kết luận: Phạm Ngọc Minh K2 và Nguyễn Công Q có quan hệ cha – con gái.

Lời khai của các đương sự phù hợp với kết luận giám định AND. Do đó, có đủ cơ sở kết luận anh Nguyễn Công Q là cha đẻ của người có tên Phạm Ngọc Minh K2, sinh ngày 26/12/2020. Yêu cầu về việc xác định anh Nguyễn Công Q là cha đẻ cháu Phạm Ngọc Minh K2, sinh ngày 26/12/2020 của chị Phạm Thị Ngọc L là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về lệ phí:

- Về yêu cầu xác định cha cho con: Đây là yêu cầu xác định cha cho con chưa đủ 18 tuổi nên người yêu cầu là chị Phạm Thị Ngọc L được miễn lệ phí sơ thẩm.

- Về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng: Chị Phạm Thị Ngọc L phải nộp lệ phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15; khoản 2 Điều 11; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 88; Điều 101 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp;

Căn cứ khoản 10, 11 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; Điểm t khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149; khoản 2,3 Điều 367; Điều 361; Điều 371; Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Tuyên bố:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Ngọc L và anh Đỗ Mạnh K. Giao cháu Đỗ Thiên K1, sinh ngày 19/6/2016 cho anh Đỗ Mạnh K nuôi dưỡng đến khi cháu K1 thành niên; chị L không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh K. Chị L, anh K có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

2. Xác định anh Nguyễn Công Q là cha đẻ cháu Phạm Ngọc Minh K2, sinh ngày 26/12/2020 (Giấy chứng sinh số 06662/2020 ngày 26/12/2020 của Bệnh viện Đ1). Cháu Phạm Ngọc Minh K2 là con chung của chị Phạm Thị Ngọc L và anh Nguyễn Công Q.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chị Phạm Thị Ngọc L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí không công nhận quan hệ vợ chồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000305 ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Phạm Thị Ngọc L đã nộp đủ lệ phí.

- Chị Phạm Thị Ngọc L được miễn nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc yêu cầu xác định cha cho con.

4. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Ngọc L, anh Đỗ Mạnh K, anh Nguyễn Công Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết công khai.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải Minh;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu VP.

Ngô Thị Hòe